

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 13- 01 -2023

“V/v Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Tô Thị Hoa Lư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Công.
2. Ông Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Phát Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lai Vung mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 254/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022 “V/v ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXX- ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Thanh T, sinh năm 1969 (có mặt).
Địa chỉ: 62/2, ấp Long Định, xã L T, huyện L V, tỉnh Đ T.
2. *Bị đơn:* Nguyễn Thị C, sinh năm 1968 (có mặt).
Địa chỉ: 62/2, ấp Long Định, xã L T, huyện L V, tỉnh Đ T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/8/2022 và biên bản hòa giải ngày 21/12/2022 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thanh T trình bày:

Anh Tvà và chị C tìm hiểu đi đến hôn nhân về sống chung năm 1990 không có đăng ký kết hôn, quá trình sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2019 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng càng ngày không hợp nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh Tyêu cầu Tòa án cho được ly hôn với chị C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Hồng Đ, sinh năm 1994, Trần Thanh K, sinh ngày 04/6/2007. Hồng Đ trưởng thành không yêu cầu giải quyết còn

Trần Thanh K thì anh T đồng ý giao cho Nguyễn Thị C nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung anh T không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 21/12/2022 và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị C trình bày: Về tình trạng hôn nhân chị C và anh T về chung sống năm 1990, hôn nhân không có đăng ký kết hôn, quá trình sống chung vợ chồng cũng có bất đồng quan điểm nên có cự cãi, nay qua yêu cầu xin ly hôn của anh T chị C đồng ý ly hôn cùng anh Tuấn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Hồng Đ, sinh năm 1994, Trần Thanh K, sinh ngày 04/6/2007. Hồng Đào trưởng thành không yêu cầu giải quyết còn Trần Thanh K thì chị C đồng ý nuôi Trần Thanh Khá, chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng; Về tài sản và nợ chung, chị C không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, xét tình trạng hôn nhân của hai đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

- Về hôn nhân:

Anh T và chị C về chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, do đó pháp luật không công nhận là vợ chồng đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 Luật HN&GD cụ thể quy định như sau *“Việc kết hôn phải được đăng ký do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”*

Tại khoản 1 Điều 14 Luật HN&GD có quy định *“ Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*

Đối chiếu khoản 2 Điều 53 Luật HN&GD có ghi *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”*

Vì vậy về quan hệ hôn nhân: không công nhận anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Thị C là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Thanh K, sinh ngày 04/6/2007. Cho chị Nguyễn Thị C nuôi dưỡng; về cấp dưỡng chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Anh Trần Thanh T có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung: Anh T và chị C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh T phải chịu án án phí theo Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị C là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Thanh K, sinh ngày 04/6/2007. Cho chị Nguyễn Thị C nuôi dưỡng; về cấp dưỡng chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Anh Trần Thanh T có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

- Về án phí và tạm ứng án phí:

Anh Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0015530 ngày 24/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung. Anh T đã thực hiện xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 13/01/2023.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Tô Thị Hoa Lư

